

# **NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ CỦA MẠNG XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HCM (HUFI)**

**Lê Thị Thanh Hà\*, Trần Tuấn Anh, Huỳnh Xuân Trí**

*Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh*

\*Email: *haltt@cntp.edu.vn*

Ngày nhận bài: 04/01/2017; Ngày chấp nhận đăng: 02/03/2017

## **TÓM TẮT**

Bài viết nghiên cứu về sự tác động của mạng xã hội trực tuyến đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (HUFI), tập trung vào mối quan hệ giữa mạng xã hội trực tuyến với kết quả học tập của sinh viên, khám phá và đo lường mức độ của các yếu tố thuộc mạng xã hội ảnh hưởng (sự tác động của mạng xã hội) đến kết quả học tập của sinh viên, từ đó đưa ra hàm ý các giải pháp chính sách cho các nhà quản lý giáo dục của nhà trường nhằm tận dụng mạng xã hội để nâng cao kết quả học tập. Với thu gom mẫu thuận tiện chúng tôi tiến hành khảo sát trên 1533 sinh viên đại học tất cả các chuyên ngành và năm học đang theo học tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả phân tích cho thấy các yếu tố tìm kiếm thông tin, giải trí, tính thời thượng và công cụ tìm kiếm có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên.

*Từ khóa:* Mạng xã hội, Kết quả học tập của sinh viên.

## **1. MỞ ĐẦU**

Với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, mạng xã hội đã ra đời như một bước ngoặt lớn, mở ra một kỷ nguyên hội nhập mới với nền tri thức tiến bộ của nhân loại. Mạng xã hội ra đời đã có sự tác động nhất định đối với nhiều đối tượng khác nhau và ảnh hưởng rõ nhất là giới trẻ nói chung và cộng đồng sinh viên nói riêng.

Mạng xã hội xuất hiện lần đầu tiên năm 1995 với sự ra đời của trang Classmate với mục đích kết nối bạn học. Mạng xã hội đã được đón nhận một cách rộng rãi dẫn tới sự phát triển và ra đời của SixDegrees (1997), Friendster (2002), Myspace (2004) đến Facebook (2006) với nhiều tính năng phục vụ nhiều mục đích và nhu cầu của người tham gia mạng xã hội như giao lưu kết bạn, công cụ liên lạc, công cụ giải trí,...

Theo thống kê được Facebook công bố vào tháng 6/2015, mạng xã hội này hiện có đến 30 triệu người Việt dùng mỗi tháng, đáng chú ý, đến 27 triệu người dùng Facebook trên thiết bị di động như smartphone hay tablet. Mỗi ngày có đến 20 triệu người Việt dùng Facebook và 17 triệu người lướt Facebook trên di động. Trung bình mỗi người dành đến 2,5 giờ cho các hoạt động chủ yếu gồm trò chuyện với bạn bè, truy cập vào các trang thông tin, cửa hàng trên Facebook, tăng so với thời gian trung bình 2,4 giờ sử dụng mạng xã hội vào đầu năm 2014 do WeAreSocial công bố.

Và quan trọng nhất, Facebook cũng công bố độ tuổi chủ yếu tham gia vào mạng xã hội chiếm đông nhất 75% là từ 18 đến 34 tuổi. Kết quả này cho thấy mạng xã hội đã thâm nhập vào thế hệ trẻ dùng internet, trở thành công cụ giải trí nổi bật, đặc biệt trong cộng đồng sinh viên.

Một vài nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng việc sinh viên tham gia thảo luận mạng xã hội là do tâm lý. Tâm lý sinh viên thường quan tâm đến bài vở, lòng tự trọng, tính hiệu quả ảnh hưởng đến cảm xúc khi tham gia thảo luận trên mạng xã hội. Hew et al., 2010 đã kết luận rằng một trong những lý do chính sinh viên hạn chế đóng góp là do họ không biết mục đích của cuộc thảo luận [1]. Khi sinh viên xem các chủ đề thảo luận trực tiếp liên quan đến chương trình giảng dạy (Guzdial & quay, 2000) hoặc khi sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về các mục đích của các cuộc thảo luận trực tuyến [2], họ có xu hướng đóng góp nhiều hơn nữa.

Với sự phổ biến của nó, nhiều trường đại học trên thế giới khuyến khích sinh viên sử dụng mạng xã hội như là trang học tập. Nhưng tại Việt Nam, những năm gần đây, các trường đại học đang dần sử dụng mạng xã hội chỉ với mục đích quảng bá trường và cung cấp thông tin về học vụ cho các sinh viên.

Như vậy, việc sử dụng mạng xã hội vào học tập là đề tài đang được các nhà khoa học nghiên cứu và khảo sát. Chính vì lẽ đó, trên nền tảng lý luận liên quan đến mạng xã hội trực tuyến, học thuyết mạng xã hội và kết quả học tập nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu thông qua phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm xác định, đo lường và đánh giá tác động của mạng xã hội lên thành tích học tập của sinh viên và sử dụng nó như một công cụ học tập hiệu quả với mẫu nghiên cứu là sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM.

## **2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu**

Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu này dựa vào lý thuyết liên quan về mạng xã hội, kết quả học tập của sinh viên với trọng tâm là lý thuyết hội nhập thể hiện rõ nhất trong mô hình mối quan hệ giữa môi trường học tập, quá trình hòa nhập và kết quả học tập của Angela Yan Yu (2010) [3], ngoài ra nhóm tác giả còn dựa vào các học thuyết về sự hài lòng xã hội bao gồm học thuyết sử dụng và sự hài lòng giá trị cảm nhận với nền tảng là mô hình nghiên cứu của Huang, Hsieh, Wu (2014) [4]. Đây cũng là những cơ sở lý luận chính mà nhóm tác giả đã áp dụng thực hiện nghiên cứu này.

Thông qua việc tìm hiểu và nghiên cứu các lý thuyết liên quan nhằm tập trung chứng minh các luận điểm về sự tác động của mạng xã hội đến kết quả học tập của sinh viên cũng như dựa trên kết quả của các nghiên cứu đã công bố về ảnh hưởng của mạng xã hội trên nhiều lĩnh vực. Từ mô hình của đề tài, nhóm tác giả xây dựng phương trình hồi quy dự kiến của nghiên cứu như sau:

$$LO = B1 \times SI + B2 \times EN + B3 \times FA + B4 \times RL + B5 \times ST$$

Trong đó, SI là nhân tố tìm kiếm thông tin; EN là nhân tố giải trí; FA là nhân tố tính thời thượng; RL là nhân tố mối quan hệ; ST là nhân tố công cụ học tập; LO là nhân tố kết quả học tập.

Nghiên cứu được tiến hành thông qua 2 giai đoạn chính: (1) Nghiên cứu định tính nhằm xây dựng bảng câu hỏi khảo sát; (2) Nghiên cứu định lượng nhằm thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát, kiểm định mô hình nghiên cứu. Sau nhiều lần hiệu chỉnh bảng câu hỏi nhóm tác giả đưa bảng câu hỏi chính thức vào khảo sát định lượng với các tiêu chí như Bảng 1.

Khi tiến hành nghiên cứu chính thức, 1.300 bảng câu hỏi được phát trực tiếp đến các bạn sinh viên hệ đại học tất cả các chuyên ngành và năm học. Sau khi thu về, loại bỏ những bảng không đạt yêu cầu, tác giả được 1.240 mẫu. Cùng với khảo sát trực tiếp, nhóm có tiến hành

khảo sát trực tuyến (online), có 293 sinh viên tham gia, nên mẫu tổng cộng là 1.533. Tác giả sử dụng phần mềm thống kê SPSS 16.0 để phân tích dữ liệu.

Bảng 1: Các tiêu chí khảo sát chính thức.

TT	Mã hóa	Tiêu chí	Hoàn toàn phản đối	Phản đối	Trung hòa	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	SI1	Mạng xã hội cung cấp những thông tin học tập hữu ích.	1	2	3	4	5
2	SI2	Tôi sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm thông tin mới.	1	2	3	4	5
3	SI3	Tôi sử dụng mạng xã hội để có được thông tin mà không tốn kém chi phí.	1	2	3	4	5
4	SI4	Tôi sử dụng mạng xã hội để tìm tài liệu học tập.	1	2	3	4	5
5	SI5	Tôi đã gạt hái được nhiều kiến thức từ mạng xã hội.	1	2	3	4	5
6	SI6	Tôi sử dụng mạng xã hội để cập nhật những thông báo mới từ giảng viên.	1	2	3	4	5
7	EN1	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó làm tôi thoải mái.	1	2	3	4	5
8	EN2	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó giúp tôi vui vẻ.	1	2	3	4	5
9	EN3	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó giúp tôi thư giãn.	1	2	3	4	5
10	EN4	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó làm tôi giảm bớt căng thẳng.	1	2	3	4	5
11	FA1	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó theo trào lưu.	1	2	3	4	5
12	FA2	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó là biểu tượng thời đại.	1	2	3	4	5
13	FA3	Tôi sử dụng mạng xã hội vì nó làm tôi có phong cách.	1	2	3	4	5
14	RL1	Thông qua mạng xã hội, tôi có thể tham gia nhiều nhóm học tập.	1	2	3	4	5
15	RL2	Tôi giữ được liên lạc với bạn bè.	1	2	3	4	5
16	RL3	Nhờ mạng xã hội, tôi có thể xây dựng mối quan hệ với bạn bè trong lớp.	1	2	3	4	5
17	RL4	Tôi có thể tương tác được với bạn bè một cách dễ dàng.	1	2	3	4	5
18	ST1	Tôi sử dụng mạng xã hội như một công cụ học tập hiệu quả.	1	2	3	4	5
19	ST2	Mạng xã hội giúp tôi trao đổi bài vở với bạn bè và giáo viên của mình hiệu quả hơn.	1	2	3	4	5
20	ST3	Mạng xã hội giúp tôi hoàn thành các bài tập được giao tốt hơn.	1	2	3	4	5
21	ST4	Tôi thấy thất vọng khi các bạn trong nhóm không sử dụng mạng xã hội để trao đổi bài.	1	2	3	4	5

TT	Mã hóa	Tiêu chí	Hoàn toàn phản đối	Phản đối	Trung hòa	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
22	AP1	Tôi đã phát triển được nhiều kỹ năng từ mạng xã hội.	1	2	3	4	5
23	AP2	Tôi có thể ứng dụng những kiến thức thu được từ mạng xã hội vào học tập.	1	2	3	4	5
24	AP3	Tôi dự định tiếp tục sử dụng mạng xã hội để cải thiện kết quả học tập trong năm tới.	1	2	3	4	5
25	AP4	Nhìn chung, kết quả học tập của tôi trở nên tốt hơn khi tham gia mạng xã hội.	1	2	3	4	5

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kết quả thống kê mô tả

Sau khi phân tích 1.533 mẫu kết quả, thống kê mô tả cho thấy:

- Về giới tính: kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ nam nữ chênh lệch khá nhiều. Cụ thể là nam có 552 sinh viên, chiếm 34,1%; nữ có 1.011 sinh viên, chiếm 65,9%. Có sự chênh lệch nhiều về giới tính là do sinh viên tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ cao là khối ngành kinh tế (Quản trị Kinh doanh, Tài chính-Ngân hàng và Thực phẩm).

- Về mạng xã hội: mạng xã hội được sinh viên sử dụng phổ biến nhất là Facebook với tỷ lệ 82,6% tương đương là 1.267 sinh viên. Các mạng xã hội còn lại tỷ lệ tương đương nhau như Zalo (7,2%), Youtube (6,1%), Google Plus (1,4%), còn lại Instagram, Myspace, Twitter, Zingme và Flick dưới 1%. Điều này phù hợp với xu hướng hiện nay về mạng xã hội được sử dụng phổ biến nhất tại Việt Nam là Facebook (35%, theo Báo cáo “We are social 1/2015). Việc tỷ lệ sử dụng mạng xã hội Facebook cao là điểm đáng lưu ý cho nhà quản lý giáo dục lựa chọn mạng xã hội nào làm kênh trao đổi học tập.

- Về thời gian sử dụng: mạng xã hội ra đời và phổ biến vào những năm 1990 (Yahoo 360), sau đó là Facebook vào năm 2006. Do đó, phần lớn các bạn sinh viên đều sử dụng mạng xã hội trên 3 năm, chiếm 68,6% tương đương 1.051 sinh viên. Thời gian sử dụng từ 1-3 năm chiếm 27,9% tương đương 428 sinh viên, còn lại là dưới 1 năm chiếm 3,5%.

- Về số lần tham gia mạng xã hội/ngày: mạng xã hội là một cộng đồng trực tuyến thu nhỏ nên việc tương tác liên tục với nhau là rất cần thiết và thường xuyên. Số lần tham gia mạng xã hội/ngày của các bạn sinh viên lớn hơn 5 lần chiếm 46,7% tương đương 715 sinh viên. Số lần tham gia mạng xã hội/ngày của các bạn sinh viên từ 3-5 lần chiếm 34,4% tương đương 528 sinh viên, còn lại là dưới 3 lần chiếm 18,9% tương đương 290 sinh viên.

- Về thời gian tham gia mạng xã hội/mỗi lần truy cập: thời gian truy cập phân bố khá đồng đều giữa các cột mốc (trung bình 25%), cụ thể là dưới 1 giờ chiếm 25,2% tương đương 386 sinh viên; từ 1-2 giờ chiếm 28,7% tương đương 440 sinh viên; từ 2-3 giờ chiếm 21,1% tương đương 324 sinh viên; trên 3 giờ chiếm 25% tương đương 383 sinh viên.

- Về chuyên ngành học: ngành học chiếm tỷ lệ cao trong mẫu khảo sát là Quản trị kinh doanh 31,2% (478 sinh viên) và ngành Tài chính - Kế toán chiếm 23% (352 sinh viên); kế tiếp là ngành Công nghệ Thực phẩm chiếm 12,1% (185 sinh viên) và ngành Kỹ thuật môi trường 9,9% (152 sinh viên).

- Các chuyên ngành còn lại tỷ lệ tương đối đồng đều nhau như Điện tử 6,1% (93 sinh viên), Tin học 4,7% (72 sinh viên), Cơ khí 4,2% (64 sinh viên), Công nghệ sinh học 3,6% (55 sinh viên).

sinh viên), Công nghệ Hóa học 2,2% (33 sinh viên), Thủy sản 2,1% (32 sinh viên) và Đảm bảo chất lượng 1,1% (17 sinh viên).

- Về kết quả học tập: đa số sinh viên khảo sát xếp loại khá với 54,5% tương đương 835 sinh viên; loại trung bình 37,5% tương đương 575 sinh viên; loại giỏi chiếm 6,6% tương đương 101 sinh viên; và loại xuất sắc 1,4% với 22 sinh viên.

- Về năm học: phần lớn sinh viên khảo sát là năm thứ hai với 36,6% tương đương 561 sinh viên; còn các năm còn lại tỷ lệ tương đương nhau như: năm thứ nhất 24,9% (381 sinh viên), năm thứ ba 18,4% (309 sinh viên) và năm cuối chiếm 18,4% (282 sinh viên).

### 3.2. Phân tích hồi quy

Sau khi phân tích Cronbach's Alpha và EFA, 5 nhân tố của thang đo mạng xã hội được đưa vào xem xét sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh bằng phương pháp Enter. Thông qua kiểm tra hồi quy lần thứ nhất thì trong 5 nhân tố tác động, chỉ có 4 nhân tố có tác động có ý nghĩa thống kê đến kết quả học tập đó là tìm kiếm thông tin, giải trí, tính thời thượng và công cụ tìm kiếm, còn biến mối quan hệ tuy vẫn có tương quan thuận nhưng tương quan này không có ý nghĩa. Vì thế nhóm tác giả sẽ thực hiện kiểm tra hồi quy lần thứ hai với R2 hiệu chỉnh là 0.457 nghĩa là mô hình giải thích được 45.7% sự thay đổi của biến kết quả học tập bị tác động bởi 4 biến yếu tố mạng xã hội: Tìm kiếm thông tin, giải trí, tính thời thượng và công cụ tìm kiếm và mô hình phù hợp với dữ liệu ở độ tin cậy 95%.

Bảng 4: Kết quả phân tích hồi quy các nhân tố mạng xã hội tác động đến kết quả học tập của sinh viên

Mô hình		Chưa chuẩn hóa		Chuẩn hóa	t	Sig.	Đa cộng tuyến	
		B	Độ lệch chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số phóng đại phương sai VIF
1	Hằng số	0,160	0,96		1,664	0,96		
	SI	0,376	0,026	0,322	14,495	0,000	0,717	1,395
	EN	0,076	0,018	0,085	4,148	0,000	0,849	1,178
	FA	0,041	0,016	0,051	2,570	0,010	0,912	1,097
	ST	0,406	0,023	0,408	18,011	0,000	0,689	1,451

Qua Bảng 4 khi xét giá trị Sig. của giá trị tìm kiếm thông tin, giải trí, tính thời thượng và công cụ tìm kiếm cho thấy tất cả đều có tương quan thuận đến kết quả học tập. Hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance Inflation Factor) của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Phương trình hồi quy tuyến tính được thể hiện như sau:

$$LO = 0,406 \times ST + 0,37 \times SI + 0,076 \times EN + 0,041 \times FA$$

Trong 5 nhân tố đã được nghiên cứu và phân tích chỉ có 4 nhân tố có mối quan hệ tương quan thuận đến kết quả học tập của sinh viên đó là: tìm kiếm thông tin (SI), giải trí (EN), tính thời thượng (FA) và công cụ tìm kiếm (ST). Kết quả phân tích cũng cho thấy yếu tố tìm kiếm thông tin và công cụ học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ kết quả học tập so với các yếu tố còn lại. Đây là kết quả đáng mong đợi vì mục tiêu nghiên cứu này nhằm tiến đến việc sử dụng mạng xã hội là công cụ

học tập của sinh viên nhằm nâng cao kết quả học tập sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. GIẢI PHÁP**

Qua khảo sát thực tế tại Trường, nhóm tác giả xin được đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên, thứ tự giải pháp được đề xuất dựa theo mức độ tác động:

##### **4.1. Công cụ học tập**

Đây là nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất (0,406) đối với kết quả học tập của sinh viên HUFU. Trong thống kê mô tả, sinh viên đều đồng ý việc sử dụng mạng xã hội là công cụ học tập để nâng cao kết quả học tập của mỗi sinh viên. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất giải pháp dành cho nhân tố này như sau:

- Từng bước triển khai ứng dụng mạng xã hội là công cụ học tập hiệu quả. Như đã trình bày có hai xu hướng ứng dụng mạng xã hội cho hoạt động học tập đó là: sử dụng các trang mạng phổ biến (sử dụng các tính năng thông thường kết hợp với các hoạt động giáo dục, tạo các trang giáo dục) và sử dụng các trang mạng xã hội dành riêng cho học tập. Các trang mạng xã hội hiện tại đã chú trọng dành không gian cho học tập, chỉ dừng lại ở mức cung cấp tài nguyên học tập. Ban quản trị nhà trường từng bước triển khai và đích đến cuối cùng là sử dụng trang mạng xã hội dành riêng cho học tập.

- Tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn việc sử dụng mạng xã hội trong việc chia sẻ thông tin, tài liệu và phương pháp giảng dạy cho cán bộ giảng viên tại trường.

- Nâng cấp kho dữ liệu và tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên tại trường.

- Hỗ trợ việc cung cấp thông tin và tài liệu học tập cho sinh viên thông qua mạng xã hội (sách giáo khoa trực tuyến, tài liệu môn học trực tuyến và các thông tin khác). Cần phải có một kho dữ liệu lưu trữ các giáo trình, bài nghiên cứu và các tài liệu dành cho sinh viên.

-Tiến hành liên kết với các trang mạng cung cấp tài liệu uy tín, như <http://www.sciencedirect.com/>, <http://www.emeraldinsight.com/>. Đây là những trang cung cấp các tài liệu học uy tín. Ban quản trị nhà trường cần tiến hành mua tài khoản cho cán bộ giảng dạy và sinh viên truy cập miễn phí.

##### **4.2. Tìm kiếm thông tin**

Như nhóm tác giả đã đề cập đến trong phần trên của bài nghiên cứu, mạng xã hội không chỉ được sử dụng như một công cụ học tập mà còn là giúp ích cho sinh viên HUFU trong việc tìm kiếm thông tin liên quan đến việc học hoặc các hoạt động công tác xã hội trong và ngoài trường. Trong trường hợp này, để đảm bảo mạng xã hội sẽ giúp ích cho các sinh viên HUFU thì nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

- Khuyến khích cán bộ nhân viên và giảng viên chia sẻ những thông tin liên quan đến việc học của sinh viên, các hoạt động công tác xã hội và các chương trình hữu ích dành cho sinh viên thông qua mạng xã hội.

- Tạo lập một trang web chính thức dành cho sinh viên để hỗ trợ và cung cấp những thông tin cần thiết cho sinh viên. Sẵn sàng giải đáp các thắc mắc liên quan đến việc học tập của sinh viên nhanh chóng nhất thông qua mạng xã hội.

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn sinh viên các khóa trong việc tìm kiếm thông tin trong học tập thông qua mạng xã hội. Lồng ghép vào trong chương trình học (Môn Kỹ năng học tập hiệu quả) cách tìm kiếm thông tin qua mạng xã hội một cách hiệu quả.

### 4.3. Giải trí

Một ưu điểm nổi bật ảnh hưởng đến kết quả học tập đó là mạng xã hội còn đóng một vai trò như một công cụ giải trí, điều này thể hiện thông qua việc các thành viên có thể tham gia vào các hoạt động mang tính giải trí như nghe nhạc, xem phim, tham gia các nhóm công tác xã hội, hoặc các chương trình học thuật... góp phần giúp giải tỏa căng thẳng trong việc học tập cũng như những áp lực cuộc sống. Chính vì điều này, nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các bạn sinh viên HUPI trong vấn đề sử dụng mạng xã hội như một công cụ giải trí sau các giờ học căng thẳng như sau:

- Thông qua mạng xã hội tuyên truyền và khuyến khích các bạn sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động công tác xã hội: chương trình thiện nguyện, trò chơi nhóm, chương trình giao lưu giữa các câu lạc bộ đội nhóm trong và ngoài trường.

- Tạo lập các nhóm giải trí trên mạng xã hội để các sinh viên có thể chia sẻ nhiều hơn những bài hát yêu thích, những video giải trí và những clip ca nhạc hoặc các clip hoạt động ý nghĩa.

### 4.4. Tính thời thượng

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng có một mối tương quan thuận giữa tính thời thượng và kết quả học tập (0,041), và kết quả thống kê cũng cho thấy sinh viên sử dụng mạng xã hội không vì theo trào lưu hay thể hiện bản thân mà theo hướng ham học hỏi, xu hướng hòa nhập và tiếp thu cái mới. Nhóm tác giả nghĩ rằng một vấn đề cấp bách đặt ra trong trường hợp này không chỉ là làm thế nào để duy trì một sự trao đổi thông tin thông qua mạng xã hội, mà còn phải mở rộng mạng xã hội (ví dụ những trang web của trường, những trang web của câu lạc bộ trực thuộc trường, hoặc những trang web công tác xã hội...) đến tất cả các sinh viên HUPI hoặc liên kết rộng hơn đến tất cả các nhóm sinh viên thuộc các trường đại học khác. Từ đó, thông qua mạng xã hội giúp các bạn sinh viên HUPI có thể giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm thông tin, trao đổi thông tin, phát triển các mối quan hệ xã hội và đặc biệt hỗ trợ nhau trong nghiên cứu học tập.

Ngoài ra, tính thời thượng được nhóm tác giả đề cập đến trong bài nghiên cứu cũng liên quan đến việc sử dụng mạng xã hội của cá nhân hoặc nhóm sinh viên nhằm mục đích thể hiện bản thân, chia sẻ nhiều thông tin hơn và nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ cộng đồng. Điều này có nghĩa là các cá nhân hoặc nhóm sinh viên sẽ cảm thấy vui hơn khi sử dụng mạng xã hội chia sẻ nhiều thông tin và có được số lượng người theo dõi và quan tâm nhiều hơn. Sức mạnh của các trang mạng xã hội thường chính là việc tạo ra các luồng hoạt động của sinh viên. Trong một khoảng thời gian, sinh viên có thể thấy tất cả những gì mình đã và đang làm, những việc đã thực hiện, những hình ảnh/câu châm ngôn mà họ đã chia sẻ, liên kết web,... Ban quản trị cần tạo ra mạng xã hội cũng cần có những giá trị cốt lõi này.

### 4.5. Các giải pháp khác

Ngoài những giải pháp trên, nhóm tác giả cũng lưu ý ban quản trị nhà trường khi xây dựng mạng xã hội học tập cần chú ý đến các vấn đề sau:

- Để có thể thực hiện được các giải pháp trên thì Ban quản trị nhà trường cần đầu tư và trang bị hệ thống wifi, nâng cấp chất lượng trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt hơn cho việc tiếp cận thông tin của cán bộ, giảng viên và sinh viên tại trường.

- Nâng cấp, quản lý và kiểm soát tốt hơn hệ thống thông tin mở rộng dành riêng cho sinh viên. Tạo ra các trang mạng xã hội an toàn, khép kín. Nghĩa là tạo môi trường học tập lành mạnh, hiệu quả, việc gia nhập được kiểm soát và các hoạt động luôn được giám sát chặt chẽ. Bên cạnh đó các trang mạng xã hội được tạo cần dễ truy cập và dễ sử dụng.

- Ban quản trị nhà trường cần thiết kế mạng xã hội học tập với các tính năng tiêu biểu như tạo hồ sơ hoạt động cá nhân (cung cấp công cụ để mỗi sinh viên tham gia học có một hồ sơ điện tử. Hồ sơ đó bao gồm thông tin cá nhân của sinh viên, hoạt động và thành tích của sinh viên đó, ví dụ như học lớp nào, bảng điểm các bài tập, các danh hiệu đã đạt được), sự kiện (giống như các trang mạng xã hội thông thường, ở mạng xã hội học tập, các sự kiện sắp xảy ra cũng cần được thông báo. Nó giống như một bảng tin hoạt động của một lớp hay một trường học, trong đó thông báo các các sự kiện sẽ diễn ra trong thời gian sắp tới).

- Ban quản trị nhà trường cũng cần công nhận thành tích học tập trong môi trường trực tuyến để làm động lực thúc đẩy việc học tập của các sinh viên. Thành tích được đề cập ở đây liên quan đến vấn đề học tập: như thành viên tích cực chia sẻ tài liệu, thành viên tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện trực tuyến,...

## **5. KẾT LUẬN**

Thông qua bài nghiên cứu này, nhóm tác giả đã chỉ ra được mối quan hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và kết quả học tập của sinh viên tại trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM cũng như mô tả, đo lường và phân tích đánh giá thực trạng việc sử dụng mạng xã hội trong học tập của sinh viên.

Kết hợp kết quả từ bài nghiên cứu cũng như qua khảo sát thực tế môi trường giảng dạy và học tập tại Trường, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM đến ban quản trị của trường bao gồm tìm kiếm thông tin (SI), giải trí (EN), tính thời thượng (FA) và công cụ tìm kiếm (ST).

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Hew, K. F., & Cheung, W. S. (2010). "Fostering higher knowledge construction levels in online discussion forums: An exploratory case study". *International Journal of Web-based Learning and Teaching Technologies*, 5(4), 44–55.
- [2]. Jung, Insung; Choi, Seonghee; Lim, Cheolil; Leem, Junghoon (2002). Effects of Different Types of Interaction on Learning Achievement, Satisfaction and Participation in Web-Based Instruction. *Innovations in Education and Teaching International*, v39 n2 p153-62
- [3]. Angela Yan Yu (2010). The impact of online social networking on learning: a social integration perspective. *International Journal of Networking and Virtual Organisation*, Volume 8 Issue 3/4, May 2011 Pages 264-280
- [4]. Huang, Hsieh, Wu, (2014). Gratifications and social network service usage The mediating role of online experience. *Infomartion& Management*, 51 (2014) 774-782



**ABSTRACT**

THE IMPACT OF ONLINE SOCIAL NETWORKS ON STUDENTS' LEARNING  
OUTCOMES AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY

Le Thi Thanh Ha<sup>\*</sup>, Tran Tuan Anh, Huynh Xuan Tri

*Ho Chi Minh city University of Food Industry*

<sup>\*</sup>Email: *haltt@cntp.edu.vn*

In this article, the authors examine the impact of social networks on the learning outcomes of students at the Ho Chi Minh City University of Food Industry (HUPI). Drawing upon relevant literature, the authors focus on the relationship between social networks with the learning outcomes of students, explore and measure the extent of the elements of social networks affect academic performance of students, thereby making policy implications for education of school administrators to take advantage of social networks to improve learning outcomes. This study gathered survey data from a convenience sample of 1533 University students at the Ho Chi Minh City University of Food Industry, the analysis showed that the factors are seeking information, entertainment, fashionable and Study tool have statistically significant positive impacts on learning outcomes of students.

*Key words:* Social networks, learning outcomes of students.